



Maybank
Kim Eng

Maybank Kim Eng Securities Limited
4A Fl-15+16, Vincom Center Dong Khoi
72 Le Thanh Ton Street, Ben Nghe
Ward, Dist. I, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone +84 8 44 555 888
www.maybank-kimeng.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
I. THÔNG TIN CHUNG	01
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015	09
III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	17

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

Năm báo cáo: 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng.
- Tên viết tắt: MBKE.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 05 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 829.110.000.000 VNĐ (tám trăm hai mươi chín tỷ, một trăm mười triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015: 903.141.226.829 VNĐ (chín trăm lẻ ba tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng).
- Trụ sở chính : tầng 4A-15+16, Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: +84 8 44 555 888 +84 8 38 271 020
- Số Fax: +84 8 38 271 030
- Website: www.maybank-kimeng.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (MBKE hoặc Công ty) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (KEVS) được thành lập theo Giấy phép số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCK) và chính thức đi vào hoạt động tháng 4 năm 2008.

Sau khi tập đoàn tài chính Malaysia Maybank Group mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited - hiện nay là Maybank Kim Eng Holdings Limited, tập đoàn tài chính Malaysia Maybank Group kiểm soát 49% cổ phần tại KEVS thông qua Maybank Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2012.



Ngày 3 tháng 1 năm 2014, MBKE đã chính thức được UBCKNN chấp thuận hình thức sở hữu mới: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK.

MBKE đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam trong suốt hơn 8 năm qua, với trụ sở tại TP HCM, 7 chi nhánh và hơn 200 nhân viên. MBKE là công ty môi giới chứng khoán nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam đồng thời là công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Cuối năm 2014, MBKE đã tiến hành tăng vốn từ 300 tỷ lên gần 830 tỷ đồng (15 triệu USD lên 40 triệu USD) và dự kiến nâng lên 1.100 tỷ (50 triệu USD) trong 2 năm tới. MBKE sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương hiệu của mình tại Việt Nam và sẽ tiếp tục đầu tư mạnh trong vòng năm năm tới cho việc phát triển hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), tăng cường đội ngũ nghiên cứu phân tích để hỗ trợ tốt hơn nữa cho các khách hàng định chế.

Với sự hợp lực của Tập đoàn, công ty đã liên tục giới thiệu tới khách hàng Việt Nam những sản phẩm, dịch vụ thành công tại các thị trường khu vực MBKE là công ty chứng khoán đầu tiên đưa ra thị trường dịch vụ giao dịch trực tuyến dành cho iPhone và iPad. Với tên gọi KE Mobile, ứng dụng mang đến cho nhà đầu tư khả năng giao dịch ngay cả khi đang di chuyển một cách an toàn, bảo mật và truy cập thông tin theo thời gian thực.

MBKE cũng là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam cung cấp dịch vụ “một cửa duy nhất” giúp nhà đầu tư truy cập các nghiên cứu và thông tin thị trường tổng hợp qua một ứng dụng di động với tên gọi "Market Insight – Thị trường thông minh” – tính năng từng đoạt được nhiều giải thưởng uy tín tại Singapore.

Thành công của MBKE là kết quả của quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ theo đuổi mô hình kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp với cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao cho nhà đầu tư, vì vậy tại MBKE:

- Chỉ tập trung vào dịch vụ môi giới khách hàng;
- Tuân thủ việc tách bạch tiền giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư thông qua việc giao cho ngân hàng quản lý; và
- Không phát triển nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Nhờ không ngừng đổi mới, tối ưu hóa dịch vụ, tiện ích cho khách hàng, MBKE đã nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của đông đảo nhà đầu tư trong và ngoài nước thể hiện qua các giải thưởng được công nhận sau:

- Giải thưởng “Công ty Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất Việt Nam” (Best Retail Broker) do Alpha Đông Nam Á (Alpha Southeast Asia) bình chọn từ 2011 đến 2015.

- Giải thưởng Rồng Vàng (Golden Dragon Awards) liên tục từ 2011 đến 2015 do Thời Báo Kinh Tế Việt Nam thực hiện.
- Top 100 sản phẩm, dịch vụ TIN&DÙNG 2009, 2010, 2012 - 2015 do người tiêu dùng Việt Nam bình chọn với sự tổ chức của Thời Báo Kinh Tế Việt Nam.
- Giải thưởng Best Mobile Trading Platform 2015 do Tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn.

MBKE tự hào đã thật sự tạo dựng được niềm tin nơi nhà đầu tư cũng như tất cả các đối tác trong và ngoài nước - yếu tố nền tảng quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

MBKE được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán.
- Tự doanh chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty có thể cung cấp các dịch vụ khác có liên quan đến chứng khoán: lưu ký, nghiên cứu, tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư.

Ngoài Hội sở tại TPHCM, MBKE đã thành lập được 7 chi nhánh trải dài 3 miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam:

1. Chi nhánh Chợ Lớn

Khu vực D7 (Tầng 1), Cao ốc Tân Đà, số 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, TP. HCM

Tel: (08) 62 610 778- Fax: (08) 62 610 968

2. Chi nhánh Phú Nhuận

Số 456 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Tel: (08) 62 927 029 - Fax: (08) 62 927 019

3. Chi nhánh Đồng Nai

Số 139 Hà Huy Giáp, Khu phố 4, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: (061) 39 40 490 - Fax: (061) 39 40 499

4. Chi nhánh Vũng Tàu

Tầng trệt + Tầng 1, Tòa nhà số 27-29-31 Trưng Nhị, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu

Tel: (064) 35 77 677 - Fax: (064) 35 77 666

5. Chi nhánh An Giang

Tầng 3, Tòa nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang
Tel: (076) 39 22 229 - Fax: (076) 39 22 899

6. Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (04) 39 44 05 06 - Fax: (04) 39 44 05 08

7. Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, số 482 Hoàng Diệu, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 38 68 660 - Fax: (0511) 38 68 661

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Từ ngày 3 tháng 1 năm 2014, Công ty đã chuyển đổi hình thức từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất là Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu thành lập. Bộ máy quản lý như chi tiết dưới đây:

4.1 Hội đồng Thành viên

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014
Bà Ami Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2014

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm</i>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015

4.3 Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm</i>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Quách Thanh Bảo Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

5. Định hướng phát triển

- Tập trung phát triển môi giới khách hàng cá nhân và tổ chức, kiên định với định hướng không tham gia vào hoạt động tự doanh.
- Duy trì số lượng tài khoản khách hàng hiện tại và phát triển số lượng tài khoản mới.
- Phát triển khách hàng tổ chức trong nước song song với việc củng cố và phát triển khách hàng tổ chức nước ngoài.
- Phát triển mạnh CNTT để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư có am hiểu và sở thích sử dụng công nghệ cao khi giao dịch.
- Hoàn thiện hệ thống và cơ chế quản trị rủi ro nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trước những biến động và rủi ro tiềm ẩn trên thị trường chứng khoán.

6. Các rủi ro kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của MBKE

Rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán đa dạng, tạo ra bởi nhiều thành tố khác nhau. Có những rủi ro đến từ bên ngoài công ty như rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản của thị trường. Cũng có những rủi ro đến từ bên trong công ty như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành, rủi ro tuân thủ, rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

6.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài

chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Đây là rủi ro phát sinh từ sự biến động mạnh của kinh tế vĩ mô (lạm phát, tỷ giá, nợ xấu, lãi suất...), chính sách thuế, chính sách kinh tế... Rủi ro thị trường không thể loại bỏ được và Công ty đã xây dựng đội ngũ chuyên viên phân tích dự báo thị trường để đề ra các phương án dự phòng hiệu quả. Hơn nữa MBKE không phát sinh nghiệp vụ tự doanh nên không có rủi ro đến từ các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể vì Công ty không có hoạt động tự doanh. Các cổ phiếu trên các khoản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán chỉ là giá trị của các cổ phiếu lô lẻ tồn tại từ trước đây.

6.2 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Đây là rủi ro chung cho mọi công ty chứng khoán. Khi thanh khoản của thị trường giảm mạnh và đột ngột thì rủi ro cho các công ty chứng khoán (CTCK) là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ.

Quan điểm xuyên suốt của Tập đoàn là chỉ cung cấp các dịch vụ liên quan đến kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư và không tự doanh. Vì vậy MBKE không gặp rủi ro với nghiệp vụ tự doanh khi thanh khoản của thị trường giảm. Tuy nhiên thanh khoản của thị trường giảm sút cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu và các hoạt động kinh doanh khác của công ty.

6.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Nhiều công ty chứng khoán đã bị thua lỗ rất lớn vì khách hàng không còn khả năng chi trả cho những khoản vay để giao dịch ký quỹ. Tại MBKE chúng tôi ý thức rất rõ về rủi ro này từ ngày đầu cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho khách hàng và chúng tôi đã cài đặt hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ luôn theo dõi tổng dư nợ, cũng như các tỷ lệ ký quỹ theo thời gian thực.

6.4 Rủi ro vận hành

Đây là rủi ro có mặt trong quá trình hoạt động, vận hành của mọi công ty chứng khoán. Rủi ro này có nguồn gốc từ thao tác của đội ngũ nhân viên môi giới, đội ngũ nhân viên khối nghiệp vụ hỗ trợ, từ hệ thống công nghệ thông tin. Một vài ví dụ điển hình là nhân viên môi giới đặt sai lệnh, giả mạo chữ ký khách hàng rút tiền, nhân viên nghiệp vụ hạch toán sai số tiền, số tài khoản. Công ty MBKE đã có sẵn hệ thống theo dõi và kiểm soát các rủi ro vận hành rất chặt chẽ bằng các hình thức như kiểm tra chéo trước khi duyệt lệnh, tách bạch tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền gửi của công ty.

6.5 Rủi ro tuân thủ

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành cho thị trường chứng khoán (TTCK). Các Công ty chứng khoán (CTCK) cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Hành vi một số CTCK bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ như

cho vay giao dịch ký quỹ trước đây đã gây ra tổn thất nặng nề là bài học lớn cần ghi nhớ.

Tập đoàn Maybank đề cao tính tuân thủ pháp luật nước sở tại và các quy định của Tập đoàn, của Công ty. Công ty MBKE cũng đã xây dựng và phát triển các bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Pháp lý và Kiểm toán nội bộ để kiểm soát chặt chẽ rủi ro tuân thủ.

6.6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Khái quát hoạt động của Công ty năm 2015

Năm 2015 tiếp tục đánh dấu sự hội nhập toàn diện của MBKE vào hệ thống mạng lưới toàn cầu của Maybank.

Nhằm tìm kiếm và cung cấp các cơ hội đầu tư trong ASEAN, trong năm 2015 Maybank tổ chức một chuỗi các sự kiện Hội nghị Đầu tư ASEAN tại các quốc gia trong khu vực. Chuỗi sự kiện này được bắt đầu tại Kuala Lumpur với Hội nghị thượng đỉnh các CEO 10 thị trường vốn hàng đầu ASEAN (ASEAN CAP10 CEO Summit), theo sau đó là chuỗi Hội nghị Đầu tư Invest ASEAN tại các nước trong khu vực bao gồm cả sự kiện tại Việt Nam vào tháng 5/2015.

Với chủ đề “Việt Nam: Công xưởng mới của thế giới” Invest ASEAN Vietnam đã được tổ chức thành công tại khách sạn Sheraton, thành phố Hồ Chí Minh thu hút hơn 200 khách tham dự với sự hiện diện của lãnh đạo Ủy ban Chứng khoán (UBCK), Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, 15 doanh nghiệp (12 từ Việt Nam, 3 từ Malaysia, Singapore và Thái Lan) với tổng vốn hóa thị trường khoảng 22,2 tỷ đô la Mỹ và 96 đại diện các quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản quản lý lên tới 5.000 tỷ đô la Mỹ. Invest ASEAN tổ chức tại Việt Nam là một trong nhiều nỗ lực của Maybank Kim Eng nhằm quảng bá TTCK Việt Nam tới các nhà đầu tư quốc tế.

Năm 2015 Công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống quản trị rủi ro, mở rộng phạm vi và tăng cường hiệu quả các chức năng tuân thủ - kiểm toán, nâng cấp hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh và các bộ phận chức năng hỗ trợ kinh doanh. Công ty mạnh dạn thực hiện các chương trình khuyến mãi cho khách hàng cá nhân, thúc đẩy năng suất của các khối môi giới nhằm tăng trưởng doanh thu. Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường nhân sự chuyên nghiệp cho bộ phận môi giới khách hàng tổ chức và cá nhân nhằm tận dụng được những ưu thế mạng lưới khách hàng nước ngoài trong Tập đoàn. Đồng thời, Công ty còn áp dụng các chính sách quản lý tiêu dùng hợp lý để tránh lãng phí các nguồn lực.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu

Kể từ khi được chấp thuận chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các cổ đông cũ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Maybank Kim Eng Holdings Limited (Singapore). Vì vậy, Ban điều hành của công ty MBKE (theo danh sách 4.2, phần I) không nắm giữ cổ phần của Công ty.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 12/8/2015, ông Kim Thiên Quang, nguyên là Phó Tổng Giám đốc Công ty được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty thay thế ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc đã từ nhiệm.

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên

Số lượng nhân viên của MBKE tính tới cuối năm 2015 là 210 người (2014 : 238 người). Ngoài các chính sách của công ty đối với người lao động theo luật định, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe cho mỗi nhân viên và người thân của họ.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

MBKE đã triển khai thực hiện các dự án như hiện đại hóa hệ thống quản trị rủi ro, dự án phát triển ứng dụng giao dịch trực tuyến cho các thiết bị Apple như Ipad, Iphone, cũng như của Android như Samsung Galaxy, đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng, đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống.

Đặc biệt, Công ty đã đầu tư vào hệ thống SAP cho hệ thống thông tin kế toán, cập nhật hệ thống chế độ kế toán mới dành cho các công ty chứng khoán mới được áp dụng năm 2016.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu VNĐ)	Năm 2014 (triệu VNĐ)	% tăng/ giảm	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	1.169.929	1.420.949	-18%	(*)
Doanh thu thuần	175.901	189.003	-7%	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.171	20.807	83%	
Lợi nhuận khác	-202	0	-100%	
Lợi nhuận trước thuế	37.969	20.807	82%	
Lợi nhuận sau thuế	29.199	20.165	45%	

(*) Tổng giá trị tài sản giảm 18% tương ứng hơn 250 tỷ là do đầu năm 2015, Công ty đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn từ nguồn vốn điều lệ mới tăng vào cuối năm 2014.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	426%	255%	
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	426%	255%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	23%	38%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	30%	63%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	
<input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản	15%	13%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	17%	11%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,29%	3,40%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,50%	1,42%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	22%	11%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Tình hình thay đổi vốn chủ đầu tư : không có thay đổi vốn điều lệ.

5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến ngày báo cáo : Chủ sở hữu của Công ty là Maybank Kim Eng Holdings Limited.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp

Tại Việt Nam, MBKE kiên quyết tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền của công ty, không phát triển nghiệp vụ tự doanh chứng khoán để đảm bảo rằng lợi ích kinh doanh của khách hàng được đặt lên hàng đầu và không có lợi ích nào được phép đặt cao hơn lợi ích đó, kể cả lợi ích tự doanh của công ty.

Tính đến ngày 31/12/2015, MBKE đã có hơn 8 nghìn tài khoản chứng khoán giao dịch ký quỹ, hơn 33 nghìn tài khoản chứng khoán giao dịch tiền mặt, đạt tăng trưởng tương ứng là 10% và 6.5% so với cùng kỳ năm 2014.

Hơn thế nữa, MBKE luôn đồng hành với các Nhà đầu tư cũng như các cơ quan trong ngành trong chiến lược đầu tư và xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2015, ngoài sự kiện Invest ASEAN, MBKE đã tổ chức 90 buổi hội thảo và nói chuyện chuyên đề với sự tham gia đông đảo của các Nhà đầu tư. Trong đó có các sự kiện nổi bật gây tiếng vang như :

- Ngày 16 tháng 10 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã phối hợp cùng Công ty chứng khoán Maybank Kim Eng tổ chức “Hội thảo Hoạt động Quan hệ cổ đông” với sự tham gia của ông Harold Woo, Chủ tịch Hiệp hội các chuyên viên QHCD Singapore (Singapore) và đại diện lãnh đạo cấp cao đến từ các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Hội thảo đã thu hút được sự tham gia của gần 200 đại diện doanh nghiệp. Chương trình đặt nền tảng đầu tiên góp phần nâng tầm các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. “Hội thảo Hoạt động Quan hệ cổ đông” là một trong những nỗ lực thể hiện cam kết lâu dài của Maybank Kim Eng tại Việt Nam, mong muốn được đồng hành cùng các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình phát triển, giúp các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động chuyên nghiệp hơn, cùng khai thác cơ hội thị trường và thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.
- Hội thảo “Kinh nghiệm quốc tế về chứng khoán phái sinh” do UBCK cùng Tập đoàn Maybank Kim Eng tổ chức vào ngày 12/11/2015 với sự có mặt đông đảo của đại diện lãnh đạo các công ty chứng khoán tại thành phố Hồ Chí Minh

2. Nghiệp vụ Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Đối với bộ phận Nghiên cứu khách hàng cá nhân, trong năm 2015 các chuyên viên phân tích đã tiếp tục thường xuyên thực hiện các buổi hội thảo tổng kết tình hình giao dịch và nhận định xu hướng giao dịch đồng thời phân tích đánh giá khả năng sinh lời của các cổ phiếu nhà đầu tư quan tâm.

Là một phần trong nỗ lực nhằm không ngừng đem đến cho nhà đầu tư những trải nghiệm tốt nhất khi giao dịch tại MBKE, ngày 27/6/2015, chúng tôi đã giới thiệu thành công ứng dụng "Market Insight – Thị trường thông minh" cho thị trường Việt Nam. Market Insight lần đầu tiên được giới thiệu ở Việt Nam là một tính năng cho phép tích hợp các thông tin thị trường tổng hợp với các nghiên cứu độc quyền của Maybank Kim Eng được thực hiện trên nền tảng điện thoại thông minh (iOS và Android) và nền tảng Web truyền thống. Market Insight đã được tập đoàn Maybank Kim Eng triển khai thành công ở các thị trường phát triển cao như Singapore, Malaysia.

Được đặc biệt phát triển bởi bộ phận nghiên cứu phân tích của Maybank Kim Eng, Market Insight được thiết kế để cung cấp cho các nhà đầu tư, ở mọi cấp độ, thông qua ứng dụng KE Trade Mobile hết sức tiện lợi của điện thoại thông minh, có thể truy cập một cách dễ dàng tới các nguồn thông tin đáng tin cậy được cập nhật tức thời cùng với các báo cáo, khuyến nghị phân tích của bộ phận nghiên cứu về các cổ phiếu niêm yết trên thị trường. Thông qua Market Insight các báo cáo phân tích đánh giá về cổ phiếu, thị trường của bộ phận nghiên cứu của Maybank Kim Eng được trình bày theo định dạng ngắn gọn, hết sức dễ hiểu đối với mọi nhà đầu tư.

Ngay từ buổi ra mắt, Market Insight đã được rất nhiều các bạn trẻ quan tâm ứng dụng ngay và được nhiều cơ quan báo đài ca ngợi. Tổng kết đến cuối năm 2015, tỷ trọng số lượng lệnh giao dịch trực tuyến gia tăng rõ rệt đã gián tiếp thể hiện hiệu quả của ứng dụng này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không ngừng đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các chuyên viên phân tích. Hàng năm chúng tôi đều dành ngân sách để đưa các chuyên viên tham gia các khóa huấn luyện ở nước ngoài để tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm với chuyên viên khác trong tập đoàn đến từ các thị trường phát triển hơn như HongKong, Singapore ...Tháng 4/2015, chúng tôi đã đưa 5 chuyên viên của mình tham gia hoạt động này của Tập đoàn.

Song song đó, MBKE còn hợp tác với các cơ quan báo đài như FBNC, VITV, VIR, ... để đưa các nhận định chuyên môn của mình đến với đông đảo cộng đồng nhà đầu tư. MBKE cũng vẫn duy trì việc tổ chức các chuỗi đào tạo về các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao dành cho các nhà đầu tư quan tâm. Các kiến thức đào tạo gồm cả phân tích cơ bản lẫn phân tích kỹ thuật và kỹ năng quản lý danh mục

đầu tư, giúp các nhà đầu tư tự tin hơn trong quá trình ra quyết định khi tham gia thị trường.

Đối với khách hàng cá nhân nước ngoài, đa số là khách hàng từ Thái Lan, Bộ phận Nghiên cứu khách hàng cá nhân vẫn thường xuyên hỗ trợ khách hàng thông qua các buổi trao đổi thông tin và các chuyến thăm doanh nghiệp.

Mặc dù phân chia thành hai bộ phận để phục vụ sát sao nhu cầu của khách hàng, chúng tôi vẫn thể hiện sức mạnh đoàn kết và hợp lực khi cần thiết. Chúng tôi hướng tới năm 2016 với tràn đầy niềm tin và năng lượng sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh việc trao đổi thông tin kịp thời, là cầu nối hữu hiệu giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp niêm yết khắp nơi, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán lành mạnh, bền vững.

3. Công nghệ thông tin và giao dịch trực tuyến

Với cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao cho nhà đầu tư, ngay từ khi mới đi vào hoạt động, MBKE đặc biệt chú trọng đầu tư vào hạ tầng công nghệ, liên tục đưa vào thử nghiệm các sản phẩm và dịch vụ đã thành công tại các thị trường khu vực để phục vụ nhà đầu tư Việt Nam. Hạ tầng công nghệ hiện đại theo chuẩn mực của Maybank Kim Eng đã cho phép công ty đưa mô hình quản lý kinh doanh mở, hiện đại, đem lại sự chủ động tuyệt đối, song song với sự tiện dụng “mọi lúc, mọi nơi” và hiệu quả tối đa cho nhà đầu tư nhờ áp dụng bảng giá thông minh, đặt lệnh online, ứng tiền online... với các sản phẩm trực tuyến KE Trade, KE Trade Lite, KE Mobile.

Sản phẩm giao dịch trực tuyến KE Trade, KE Trade Lite, KE Mobile có rất nhiều tính năng vượt trội đáp ứng mong muốn sự tiện lợi và linh hoạt trong việc đầu tư “mọi lúc, mọi nơi” của khách hàng. Cụ thể:

- Hỗ trợ trên mọi nền tảng công nghệ, đáp ứng được yêu cầu công nghệ ngày càng cao và đa dạng của khách hàng: từ PC, máy tính bảng, đến Mobile; từ thiết bị hệ điều hành iOS, Android, đến tất cả thiết bị có các hệ điều hành khác có kết nối mạng.
- Sử dụng công nghệ Single-Sign-On và giải pháp đồng bộ tích hợp Online Trading Platform: Tăng cường tính bảo mật, cảnh báo các thiết bị hoặc người dùng khác đăng nhập vào tài khoản khách hàng, đồng bộ thông tin tài khoản khách hàng và tài sản khách hàng trên các ứng dụng.
- Rất nhiều tiện ích hỗ trợ quá trình giao dịch: Bảng giá thông minh, cập nhật biến động thị trường với tất cả chỉ số, biểu đồ, thông tin mà nhà đầu tư quan tâm, các công cụ quản lý tài khoản, quản lý danh mục, các loại lệnh thông minh, giao dịch tiền, chứng khoán, cảnh báo nhanh, tin nóng,... Tất cả đều có trong Giao dịch trực tuyến MBKE. Những tiện ích này không chỉ làm hài lòng những nhà đầu tư chuyên nghiệp mà còn đáp ứng tiêu chí thân thiện với người

dùng để những nhà đầu tư mới tham gia thị trường cũng có thể dễ dàng sử dụng.

Trong năm 2015, MBKE đặc biệt chú tâm hỗ trợ khách hàng được tiếp cận trực tiếp các thông tin nghiên cứu, phân tích cả tổng hợp và chuyên sâu về những cổ phiếu mà họ đang quan tâm để từ đó có được quyết định đầu tư chuẩn xác thông qua ứng dụng “Market Insight” - ứng dụng đã giúp mang đến thành công cho rất nhiều nhà đầu tư tại các thị trường phát triển như Singapore, Malaysia, Thái Lan.

Ngoài ra, MBKE còn nâng cấp thêm các chức năng đặt lệnh thông minh để hỗ trợ khách hàng trong việc giao dịch thuận tiện và đầu tư hiệu quả hơn, mà còn giúp cho MBKE rút ngắn được quy trình quản lý và hỗ trợ khách hàng, dần dần đưa hệ thống quản lý vào tự động hóa tối đa.

Tính bảo mật và độ an toàn của các sản phẩm giao dịch trực tuyến của MBKE cũng là điều được các nhà đầu tư Việt Nam đặc biệt tin tưởng và đánh giá cao. Doanh thu qua kênh giao dịch trực tuyến liên tục tăng ở mức trên 20% mỗi năm.

4. Tài chính doanh nghiệp vươn tới Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) là một trong những dịch vụ có thế mạnh của Tập đoàn Maybank hiện nay. Với sức mạnh về tài chính và sự chuyên nghiệp, Tập đoàn Maybank là một trong những tổ chức đứng đầu về dịch vụ ngân hàng đầu tư trong khu vực ASEAN. Các dịch vụ Ngân hàng đầu tư của MBKE cũng đang được xây dựng và phát triển theo hướng kế thừa các thế mạnh của Tập đoàn Maybank.

Mặc dù quy mô các dịch vụ cung cấp tại MBKE còn khiêm tốn, với tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần ổn định và kinh tế toàn cầu bước đầu phục hồi, MBKE hy vọng sẽ đạt các được mục tiêu cao hơn trong năm 2016 và các năm sắp tới.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2016

Kế hoạch về doanh số theo khối ngành kinh doanh chính:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016 (triệu VNĐ)	Thực tế năm 2015	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	112.600	66.214	70%
Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ	108.000	77.624	38%
Doanh thu khác	26.366	32.063	(18%)
Tổng doanh thu	246.966	175.901	40%

Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho thấy năm 2016 MBKE sẽ quyết tâm để khẳng định vị thế tiên phong tại thị trường Việt Nam với cam kết đưa ra những sản phẩm và giải pháp sáng tạo không ngừng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, liên tục cải tiến công nghệ để có được những phương thức giao dịch tiên tiến nhất, và nâng cao chất lượng của đội ngũ môi giới chứng khoán đem đến sự hài lòng tối đa cho khách hàng khi giao dịch tại Maybank Kim Eng.

6. Giải pháp và chương trình hành động

Để có thể đạt được các mục tiêu nêu trên, Ban Tổng Giám đốc MBKE đã đề ra các giải pháp và chương trình hành động, nhấn mạnh vào các trọng tâm sau đây:

- a) Đầu tư vào nguồn nhân lực luôn là chiến lược ưu tiên hàng đầu.
 - Tuân thủ các định hướng của Tập đoàn trong việc chú trọng xây dựng đạo đức kinh doanh dựa trên nguyên tắc luôn đặt lợi ích của cộng đồng, của khách hàng, của công ty lên trên lợi ích của bản thân.
 - Kien toàn bộ máy nhân sự, giữ chân nhân sự cao cấp, không ngừng phát triển nhân tài và liên tục đào tạo, cập nhật kiến thức trong và ngoài nước để xây dựng một lực lượng kế thừa nòng cốt, nhân sự có chất lượng cao cho công ty.
- b) Phát triển nghiệp vụ và sản phẩm.
 - Đa dạng hóa các sản phẩm tài chính nhằm tạo thêm nhiều phương thức đầu tư mới, gia tăng giá trị cho nhà đầu tư, hướng đến việc xây dựng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ phù hợp nhất với giá cạnh tranh nhất.
 - Duy trì việc ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm cải tiến, hoàn thiện, và phát triển các công cụ giao dịch trực tuyến trên mọi nền tảng thiết bị di động với mục tiêu mang lại sự tiện lợi nhanh chóng, an toàn và bảo mật cao cho tất cả các khách hàng của công ty.
 - Thường xuyên cập nhật, đào tạo kiến thức về các quy định của UBCK nhằm chuẩn bị tốt cho việc phát triển các sản phẩm mới.
 - Phát triển năng lực nghiên cứu, nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu và phân tích đầu tư để có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính chuyên sâu cho các nhà đầu tư lớn.
- c) Chiến lược khách hàng:
 - Xây dựng một mạng lưới khách hàng rộng khắp và ổn định cho các chi nhánh của công ty.

- Phân loại và xác định nhóm khách hàng để thiết kế các sản phẩm dịch vụ phù hợp cho từng đối tượng.
- Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả cao cho các nhà đầu tư mới.
- Hoàn thiện và phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

d) Kế hoạch tiếp thị:

- Quảng bá hoạt động của công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Phát triển kênh Tiếp thị kỹ thuật số, thông qua các công cụ, phương tiện truyền thông trực tuyến, các trang báo tài chính, chứng khoán uy tín nhằm củng cố và phát triển hình ảnh cũng như thương hiệu công ty.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng thành viên (HĐTV)

STT	Thành viên HĐTV	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1.	Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	16/16	100%
2.	Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	16/16	100%
3.	Bà Ami Moris	Thành viên	16/16	100%
4.	Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	16/16	100%
5.	Ông Goh Keat Jin	Thành viên	16/16	100%

Hoạt động giám sát của HĐTV đối với Tổng Giám đốc: việc báo cáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời để HĐTV ra quyết định điều hành, chỉ đạo.

2. Ban Kiểm soát

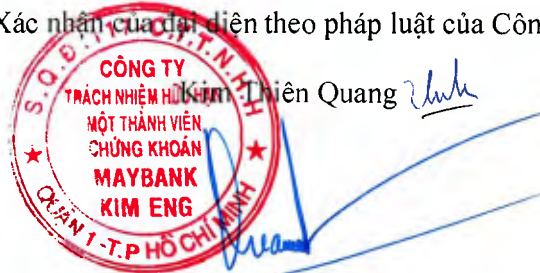
Hoạt động của Ban Kiểm soát: Hàng quý Ban kiểm soát đều tổ chức các cuộc họp và thực hiện xử lý các vấn đề hiệu quả và kịp thời, báo cáo cho Chủ sở hữu. Thành phần tham dự luôn đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận trực tiếp liên quan được yêu cầu.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

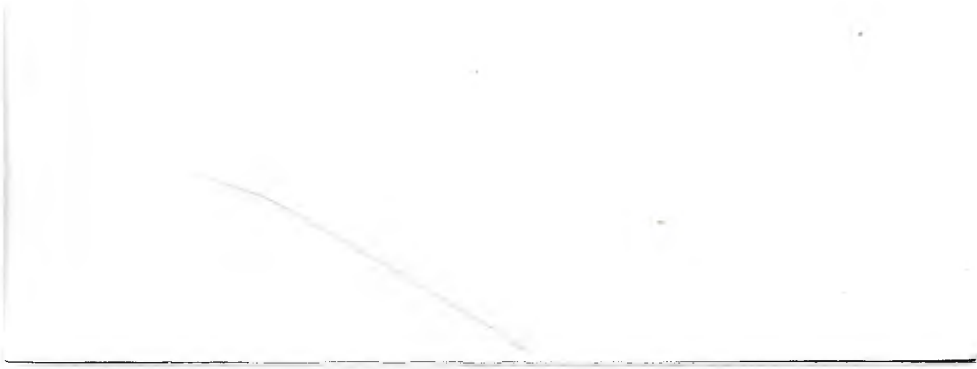
Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. (<http://maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>).

TP.HCM, ngày 1 tháng 3 năm 2016

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Tổng Giám đốc



EY

Building a better
working world

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 41

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Hội đồng Thành viên

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	Ngày 21 tháng 7 năm 2014
Bà Ami Moris	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Ngày 18 tháng 12 năm 2014

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Quách Thanh Bảo Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2014
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 12 tháng 8 năm 2015 là Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 8 năm 2015 đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/17859838

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") lập ngày 3 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1


Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.135.511.031.800	1.392.114.431.555
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	412.755.854.376	611.131.570.220
111	1. Tiền		207.755.854.376	214.021.570.220
112	2. Các khoản tương đương tiền		205.000.000.000	397.110.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.585.700	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.585.700	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	715.668.838.939	772.495.684.769
132	1. Trả trước cho người bán		-	167.373.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		722.752.294.516	780.916.443.751
138	3. Các khoản phải thu khác		3.109.655.340	1.505.257.329
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.193.110.917)	(10.093.389.311)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.084.752.785	8.487.176.566
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.1	3.908.257.657	2.691.602.154
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	2.446.325.712
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7.2	3.176.495.128	3.349.248.700
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.417.747.737	28.834.358.770
220	I. Tài sản cố định		18.421.020.451	12.772.818.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	12.922.380.719	10.017.189.066
222	- Nguyên giá		42.841.010.853	36.927.828.930
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.918.630.134)	(26.910.639.864)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.462.080.775	1.592.556.398
228	- Nguyên giá		19.365.501.766	17.008.357.266
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.903.420.991)	(15.415.800.868)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	10	3.036.558.957	1.163.073.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		15.996.727.286	16.061.540.306
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.847.711.120	4.412.524.140
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	14.149.016.166	11.649.016.166
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.169.928.779.537	1.420.948.790.325



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		266.787.552.708	547.006.402.572
310	I. Nợ ngắn hạn		266.734.136.049	546.979.817.267
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	26.000.000.000	265.646.791.381
312	2. Phải trả người bán		1.773.500.637	56.287.355
313	3. Người mua trả tiền trước		475.832.000	553.532.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
316	5. Chi phí phải trả	14	3.611.470.132	2.764.490.027
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	12.390.468.624	16.787.871.305
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	188.861.342	189.635.398
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	17	220.120.024.450	260.960.586.028
			2.173.978.864	20.623.773
330	II. Nợ dài hạn		53.416.659	26.585.305
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	53.416.659	26.585.305
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		903.141.226.829	873.942.387.753
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	903.141.226.829	873.942.387.753
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		829.110.000.000	829.110.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.071.202.193	3.611.260.239
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.071.202.194	3.611.260.240
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.888.822.442	37.609.867.274
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.169.928.779.537	1.420.948.790.325

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký	5.114.897.110.000	4.476.268.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	3.162.185.310.000	2.757.832.740.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	350.000	-
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.901.054.600.000	1.607.571.640.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.261.130.360.000	1.150.261.100.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	83.631.000.000	25.498.440.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	83.631.000.000	25.498.440.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	95.002.000.000	26.527.000.000
019	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	70.352.000.000	1.877.000.000
020	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	24.650.000.000	24.650.000.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	96.117.440.000	178.008.590.000
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng trong nước	95.407.840.000	168.380.490.000
030	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng nước ngoài	709.600.000	9.628.100.000
042	1.5. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	1.677.961.360.000	1.488.401.230.000
044	1.5.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng trong nước	1.652.239.000.000	1.488.342.230.000
045	1.5.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng nước ngoài	25.722.360.000	59.000.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	96.780.060.000	74.381.850.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	88.926.560.000	64.801.310.000
053	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	60.001.370.000	64.008.610.000
054	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	28.925.190.000	792.700.000
s	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	7.853.500.000	9.580.540.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	7.853.500.000	9.580.540.000


Người lập:


Người kiểm soát:

Người phê duyệt:


Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên


Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng


Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính
Kế toán


Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		175.901.446.239	189.002.674.380
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		66.214.275.398	93.046.013.872
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.032.628	27.122.750
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.744.024.257	3.861.327.727
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.631.296.487	1.874.364.911
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		486.000.000	585.000.000
01.9	Doanh thu khác	20	103.822.817.469	89.608.845.120
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		175.901.446.239	189.002.674.380
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(68.075.619.977)	(96.369.183.217)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		107.825.826.262	92.633.491.163
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(69.654.857.947)	(71.826.858.257)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.170.968.315	20.806.632.906
32	7. Chi phí khác		(202.325.071)	-
40	8. Lỗ khác		(202.325.071)	-
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.968.643.244	20.806.632.906
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(8.742.972.814)	(625.395.567)
52	11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.2	(26.831.354)	(16.466.587)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.198.839.076	20.164.770.752


Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:  Người phê duyệt:







Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.968.643.244	20.806.632.906
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	21, 22	5.647.855.205	5.136.292.930
03	- Các khoản dự phòng	22	99.721.606	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.243.194.830)	(13.752.032.976)
06	- Chi phí lãi vay	21	3.362.912.063	13.439.429.932
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.835.937.288	25.630.322.792
09	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		57.611.986.575	(429.614.073.384)
10	- (Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn		(1.585.700)	3.868.206
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(44.425.102.397)	23.804.125.917
12	- Giảm chi phí trả trước		1.348.157.517	3.354.195.625
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.350.828.730)	(13.308.476.939)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(4.331.940.115)	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.841.018.989)	(2.435.580.129)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		38.845.605.449	(392.565.617.912)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.653.505.478)	(3.788.781.783)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		4.545.455	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.074.430.111	13.460.866.644
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.425.470.088	9.672.084.861

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	529.110.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		108.230.117.662	1.764.123.201.763
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(347.876.909.043)	(1.652.057.071.836)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính		(239.646.791.381)	641.176.129.927
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(198.375.715.844)	258.282.596.876
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	611.131.570.220	352.848.973.344
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	412.755.854.376	611.131.570.220

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính
Kế toán



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	829.110.000.000	529.110.000.000	-	-	-	829.110.000.000	829.110.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.556.412.666	3.611.260.239	54.847.573	-	1.459.941.954	-	3.611.260.239	5.071.202.193
3. Quỹ dự phòng tài chính	3.556.412.667	3.611.260.240	54.847.573	-	1.459.941.954	-	3.611.260.240	5.071.202.194
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.554.791.668	37.609.867.274	20.055.075.606	-	26.278.955.168	-	37.609.867.274	63.888.822.442
TỔNG CỘNG	324.667.617.001	873.942.387.753	549.274.770.752	-	29.198.839.076	-	873.942.387.753	903.141.226.829

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính Kế toán



Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 210 (31 tháng 12 năm 2014: 238).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

- ▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:
Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- ▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:
 - Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
 - Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
 - Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
 - Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VNĐ các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
 - Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
 - Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng.

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại và trích lập dự phòng như sau:

a) Phân loại nợ

Các khoản cho vay được đánh giá, phân loại thành năm (5) nhóm theo phương pháp định lượng và định tính, cụ thể như sau:

<i>Nhóm nợ</i>	<i>Tiêu chí phân loại</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	▶ Nợ trong hạn và được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn
Nợ cần chú ý	▶ Nợ được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ
Nợ dưới tiêu chuẩn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi cả nợ gốc và lãi đúng hạn và có khả năng tổn thất
Nợ nghi ngờ	▶ Nợ được đánh giá có khả năng tổn thất cao
Nợ có khả năng mất vốn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi, mất vốn

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

▶ Tài sản tài chính (tiếp theo)

b) Trích lập dự phòng

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ như sau:

<i>Nhóm</i>	<i>Loại</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Công ty phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0.75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

▶ Một số tài khoản quan trọng mới được bổ sung như sau:

a) Tài khoản thu nhập và chi phí

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận thu nhập và chi phí cho các khoản mục tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và thu nhập lãi từ các khoản cho vay; chi phí dự phòng và chi phí xóa nợ khó đòi; suy giảm giá trị tài sản tài chính.

b) Tài khoản Tài sản

Tài khoản ghi nhận tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty Chứng khoán quản lý, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý và tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do Công ty chứng khoán quản lý.

c) Tài khoản Nợ phải trả

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận nợ phải trả tài chính thông qua lãi/lỗ và quỹ bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.

d) Tài khoản Vốn chủ sở hữu

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận chênh lệch về việc đánh giá lại các khoản tài sản tài chính và tài sản cố định theo giá trị hợp lý.

Công ty dự kiến sẽ áp dụng khi những chuẩn mực và quy định này có hiệu lực.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi lăm (35) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống;
- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí sử dụng các dịch vụ khác.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.10.2 Giá trị hợp lý của chứng khoán

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu thì Công ty chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận doanh thu.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận được phân chia cho chủ sở hữu khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Cuối năm</u>	<u>VNĐ Đầu năm</u>
Tiền mặt	42.747.755	62.343.236
Tiền gửi ngân hàng	30.721.321.701	2.469.657.262
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	176.991.784.920	211.489.569.722
Các khoản tương đương tiền	205.000.000.000	397.110.000.000
TỔNG CỘNG	412.755.854.376	611.131.570.220

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ một (1) tháng đến ba (3) tháng và đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (Thuyết minh 13).

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)</u>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	745.655	26.341.833.790
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	2.579.602.307	36.524.054.460.590
TỔNG CỘNG	2.580.347.962	36.550.396.294.380

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

VNĐ

Chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập	
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn		Số khó đòi
1. Trả trước cho người bán		167.373.000	-	-	24.153.718.379	(24.321.091.379)	-	-	-	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		780.916.443.751	-	10.093.389.311	17.485.948.286.825	(17.544.112.436.060)	722.752.294.516	-	10.193.110.917	10.193.110.917
- Nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	(a)	726.984.814.558	-	-	14.056.351.792.276	(14.097.723.876.984)	685.612.729.850	-	99.721.606	99.721.606
- Nghiệp vụ hợp tác đầu tư	(b)	10.093.389.311		10.093.389.311	-	-	10.093.389.311	-	10.093.389.311	10.093.389.311
- Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	(c)	43.610.811.255	-	-	3.426.735.312.112	(3.443.523.988.587)	26.822.134.780	-	-	-
- Dịch vụ lưu ký		227.428.627	-	-	2.861.182.437	(2.864.570.489)	224.040.575	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác		1.505.257.329	-	-	25.118.268.941	(23.513.870.930)	3.109.655.340	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi		542.710.665	-	-	6.858.409.720	(6.146.300.941)	1.254.819.444	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		962.546.664	-	-	18.259.859.221	(17.367.569.989)	1.854.835.896	-	-	-
TỔNG CỘNG		782.589.074.080	-	10.093.389.311	17.535.220.274.145	(17.591.947.398.369)	725.861.949.856	-	10.193.110.917	10.193.110.917

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn hiệu lực không quá 3 tháng và chịu lãi suất 0,0361%/ngày tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Khoản nợ khó đòi từ hoạt động giao dịch ký quỹ phát sinh từ tài khoản giao dịch ký quỹ của một (1) nhà đầu tư (Mã số tài khoản: 079C030060) đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

(b) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Chi tiết của những khoản nợ khó đòi như sau:

Mã số tài khoản khách hàng	Thời gian quá hạn	Đầu năm		Cuối năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
079C005657	Trên 5 năm	4.740.000.000	-	4.740.000.000	-
079C005757	Trên 5 năm	3.731.263.278	-	3.731.263.278	-
079C005554	Trên 5 năm	1.186.190.421	-	1.186.190.421	-
Khác	Trên 5 năm	435.935.612	-	435.935.612	-
Tổng cộng		10.093.389.311	-	10.093.389.311	-

Các khoản phải thu nêu trên liên quan đến các khoản nợ khó đòi phát sinh từ năm 2010 đã được Công ty trích lập dự phòng 100% phù hợp với chính sách kế toán của Công ty (Thuyết minh 3.4).

(c) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0.0361%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.093.389.311	10.093.389.311
Số trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 22</i>)	99.721.606	-
Số dư cuối năm	10.193.110.917	10.093.389.311

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí bảo trì hệ thống	2.831.921.612	1.814.835.877
Trả trước tiền thuê văn phòng	272.532.256	324.326.471
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	803.803.789	552.439.806
TỔNG CỘNG	3.908.257.657	2.691.602.154

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.691.602.154	2.795.709.192
Tăng trong năm	16.665.717.059	15.033.534.160
Phân bổ trong năm	19.357.319.213 (15.449.061.556)	17.829.243.352 (15.137.641.198)
Số dư cuối năm	3.908.257.657	2.691.602.154

7.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	3.026.332.540	3.173.332.540
Tạm ứng	114.114.923	116.408.495
Ký quỹ khác	36.047.665	59.507.665
TỔNG CỘNG	3.176.495.128	3.349.248.700

Các khoản đặt cọc thuê văn phòng bao gồm số tiền đặt cọc thuê trụ sở chính tại tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, đặt cọc thuê văn phòng Chi nhánh Vũng Tàu, Chợ lớn và một số Chi nhánh khác và các khoản đặt cọc khác. Số tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả vào ngày kết thúc hợp đồng thuê.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	VNĐ			
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	32.563.726.403	3.052.011.905	1.312.090.622	36.927.828.930
Tăng trong năm	2.003.532.080	-	-	2.003.532.080
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10)	4.876.799.981	-	-	4.876.799.981
Xóa sổ trong năm	(967.150.138)	-	-	(967.150.138)
Số dư cuối năm	<u>38.476.908.326</u>	<u>3.052.011.905</u>	<u>1.312.090.622</u>	<u>42.841.010.853</u>
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết	15.207.657.816	1.934.047.405	340.424.630	17.482.129.851
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	23.328.759.016	2.757.164.973	824.715.875	26.910.639.864
Khấu hao trong năm	3.560.080.545	186.366.246	228.693.617	3.975.140.408
Xóa sổ trong năm	(967.150.138)	-	-	(967.150.138)
Số dư cuối năm	<u>25.921.689.423</u>	<u>2.943.531.219</u>	<u>1.053.409.492</u>	<u>29.918.630.134</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	<u>9.234.967.387</u>	<u>294.846.932</u>	<u>487.374.747</u>	<u>10.017.189.066</u>
Số dư cuối năm	<u>12.555.218.903</u>	<u>108.480.686</u>	<u>258.681.130</u>	<u>12.922.380.719</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	VNĐ
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	17.008.357.266
Tăng trong năm	1.771.429.700
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (<i>Thuyết minh số 10</i>)	977.680.000
Xóa sổ trong năm	(391.965.200)
Số dư cuối năm	<u>19.365.501.766</u>
<i>Trong đó:</i>	
- Đã khấu hao hết	15.154.341.540
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	15.415.800.868
Khấu hao trong năm	1.672.714.797
Xóa sổ trong năm	(185.094.674)
Số dư cuối năm	<u>16.903.420.991</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>1.592.556.398</u>
Số dư cuối năm	<u>2.462.080.775</u>

10. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Số dư đầu năm	1.163.073.000	177.145.263
Tăng trong năm	7.727.965.938	1.185.573.000
Kết chuyển qua TSCĐ hữu hình (<i>Thuyết minh số 8</i>)	(4.876.799.981)	-
Kết chuyển qua TSCĐ vô hình (<i>Thuyết minh số 9</i>)	(977.680.000)	(199.645.263)
Số dư cuối năm	<u>3.036.558.957</u>	<u>1.163.073.000</u>

Chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VNĐ
<i>Chi tiết</i>	<i>Số tiền</i>
Thanh toán 60% giá trị hợp đồng phần mềm hệ thống kế toán SAP	1.849.422.240
Thanh toán 40% giá trị hợp đồng nâng cấp phần cứng hệ thống giao dịch chứng khoán	397.890.000
Chi phí khác	789.246.717
TỔNG CỘNG	<u>3.036.558.957</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí cải tạo văn phòng	740.815.965	1.907.950.503
Chi phí vật dụng văn phòng	1.106.895.155	2.504.573.637
TỔNG CỘNG	<u>1.847.711.120</u>	<u>4.412.524.140</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	4.412.524.140	7.640.112.727
Tăng trong năm	281.779.672	184.411.400
Phân bổ trong năm	4.694.303.812 (2.846.592.692)	7.824.524.127 (3.411.999.987)
Số dư cuối năm	<u>1.847.711.120</u>	<u>4.412.524.140</u>

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	11.649.016.166	9.149.016.166
Tiền nộp bổ sung trong năm	2.500.000.000	2.500.000.000
Số dư cuối năm	<u>14.149.016.166</u>	<u>11.649.016.166</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay thấu chi tại ngân hàng (i)	11.000.000.000	28.533.791.381
Vay các tổ chức liên quan (Thuyết minh số 24)	15.000.000.000	237.113.000.000
	<u>26.000.000.000</u>	<u>265.646.791.381</u>

(i) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty và được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 4).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số dư cuối năm</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	(2.446.325.712)	8.742.972.814	(4.331.940.115)	1.964.706.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	165.166.870	3.647.266.995	(3.736.708.299)	75.725.566
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	1.694.999.067	13.654.040.734	(14.476.023.518)	873.016.283
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	435.836.870	7.413.259.737	(7.517.794.308)	331.302.299
Thuế giá trị gia tăng	279.270.987	1.050.351.565	(1.211.463.086)	118.159.466
Thuế nhà thầu	189.216.233	550.883.882	(491.540.584)	248.559.531
TỔNG CỘNG	318.164.315	35.058.775.727	(31.765.469.910)	3.611.470.132

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí nhân viên	8.803.751.105	10.730.269.742
Phí môi giới	527.813.831	1.161.868.445
Phí dịch vụ chuyên môn	591.247.500	305.497.500
Chi phí phải trả khác	2.467.656.188	4.590.235.618
TỔNG CỘNG	12.390.468.624	16.787.871.305

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	73.666.864	72.867.942
Phải trả khác	115.194.478	116.767.456
TỔNG CỘNG	188.861.342	189.635.398

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán và thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Khấu hao tài sản cố định	53.416.659	26.585.305

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VNĐ				
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm	829.110.000.000	3.611.260.239	3.611.260.240	37.609.867.274	873.942.387.753
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.198.839.076	29.198.839.076
- Trích quỹ trong năm	-	1.459.941.954	1.459.941.954	(2.919.883.908)	-
Số dư cuối năm	829.110.000.000	5.071.202.193	5.071.202.194	63.888.822.442	903.141.226.829

Vốn điều lệ của Công ty là 829.110 triệu đồng được góp toàn bộ bởi Maybank Kim Eng Holdings Limited, Công ty mẹ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. DOANH THU KHÁC

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	77.624.091.304	59.544.287.825
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	13.445.510.901	13.737.250.370
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.683.716.696	8.674.116.969
Doanh thu khác	8.069.498.568	7.653.189.956
TỔNG CỘNG	<u>103.822.817.469</u>	<u>89.608.845.120</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	28.307.665.777	40.365.624.217
Chi phí môi giới chứng khoán	11.541.587.107	15.758.379.076
Hoa hồng đại lý	7.218.974.801	9.031.822.758
Chi phí thuê văn phòng	6.195.684.330	6.207.507.961
Chi phí lãi vay	3.362.912.063	13.439.429.932
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.933.104.545	2.610.887.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.333.959.691	1.510.446.866
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	426.966.204	637.304.294
Chi phí tư vấn	323.522.755	972.978.417
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	182.334.935	316.687.322
Chi phí khác	6.248.907.769	5.518.115.302
TỔNG CỘNG	<u>68.075.619.977</u>	<u>96.369.183.217</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	42.057.769.604	40.325.933.752
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	5.988.718.009	7.052.505.980
Chi phí thuê văn phòng	5.492.214.351	5.053.373.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.313.895.514	3.625.846.064
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.261.536.560	1.398.339.226
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.2)	99.721.606	-
Thuế, phí và lệ phí	48.845.144	24.024.736
Chi phí khác bằng tiền	10.392.157.159	14.346.835.413
TỔNG CỘNG	<u>69.654.857.947</u>	<u>71.826.858.257</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	37.968.643.244	20.806.632.906
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1.912.711.381	1.715.975.006
- Chi phí trích trước trong năm	69.805.124	-
<i>Trừ:</i>		
- Chi phí trích trước đã loại ra khi quyết toán thuế	(434.697.403)	(3.044.642.239)
- Chi phí khấu hao bổ sung do chênh lệch về thời gian khấu hao	(121.960.701)	(74.848.123)
- Cổ tức	(9.000)	(14.988.800)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	39.394.492.645	19.388.128.750
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(19.257.286.460)
Thu nhập chịu thuế ước tính	39.394.492.645	130.842.290
Thuế TNDN ước tính	8.666.788.382	28.785.304
Thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	76.184.432	596.610.263
Chi phí thuế TNDN	8.742.972.814	625.395.567
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(2.446.325.712)	(3.071.721.279)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.331.940.115)	-
Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) cuối năm	1.964.706.987	(2.446.325.712)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và qui định của cơ quan thuế. Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

VNĐ

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	53.416.659	26.585.305	26.831.354	16.466.587
	53.416.659	26.585.305		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại thuần			26.831.354	16.466.587

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VNĐ

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Maybank International Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Trả tiền vay Trả lãi vay	64.050.000.000 64.050.000.000 381.959.480	127.821.000.000 127.821.000.000 854.419.130
Maybank Kim Eng Holdings Limited (MBKEH)	Công ty mẹ	Vay Trả tiền vay Trả lãi vay	- 107.113.000.000 283.910.146	336.871.300.000 293.058.300.000 3.108.754.787
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Trả phí môi giới Trả hoa hồng Thu phí môi giới	1.465.339.951 994.620.689 47.822.158	- 1.694.746.035 26.588.990
Kim Eng Securities (Hong Kong) Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	-	39.401.400
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	167.215.978	272.743.640
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả tiền vay Nhận lãi tiền gửi Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi	80.000.000.000 - 813.027.778 -	254.000.000.000 22.000.000.000 2.260.718.763 1.222.222
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả tiền vay Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi Trả phí ngân hàng Nhận tiền gửi	50.000.000.000 317.013.891 37.267.367 910.910 -	54.000.000.000 1.772.337.517 11.779.201 - 10.742.343.583
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	2.336.569.712 584.714.021	2.110.356.818 358.841.368
Ban Tổng giám đốc		Thu nhập	4.623.277.327	3.859.139.445

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Phải thu/(phải trả)</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	-	(107.113.000.000)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Tiền lãi	-	(80.000.000.000) (73.194.444)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Phải trả tiền lãi Gửi tiền không kỳ hạn	(15.000.000.000) (8.583.333) 10.116.514.990	(50.000.000.000) (63.194.444) -
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Phí marketing	-	(1.133.489.521)
		Phí hoa hồng	-	(212.390.737)
		Phải thu khác	-	(23.495.409)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải thu khác	-	109.522.500
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Phải thu khác	-	17.044.965

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.535.527.090	10.699.377.688
Từ 1 đến 5 năm	17.512.128.905	21.786.858.384
Tổng cộng	29.047.655.995	32.486.236.072

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VND		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	11.000.000.000	15.000.000.000	26.000.000.000
Chi phí phải trả	1.773.500.637	-	1.773.500.637
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.165.703.222	-	3.165.703.222
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	527.813.831	-	527.813.831
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	591.247.500	-	591.247.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	2.046.641.891	-	2.046.641.891
Phải trả giao dịch chứng khoán	220.120.024.450	-	220.120.024.450
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.173.978.864	-	2.173.978.864
	238.233.207.173	15.000.000.000	253.233.207.173
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	28.533.791.381	237.113.000.000	265.646.791.381
Chi phí phải trả	56.287.355	-	56.287.355
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.836.457.566	-	4.836.457.566
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	1.161.868.445	-	1.161.868.445
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	305.497.500	-	305.497.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	3.369.091.621	-	3.369.091.621
Phải trả giao dịch chứng khoán	260.960.586.028	-	260.960.586.028
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.623.773	-	20.623.773
	294.407.746.103	237.113.000.000	531.520.746.103

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty có nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*
Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	VNĐ			
	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tài sản tài chính				
Tiền và tài sản tương đương tiền	412.755.854.376	611.131.570.220	412.755.854.376	611.131.570.220
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
<i>Chứng khoán thương mại</i>				
- Cổ phiếu niêm yết	1.585.700	-	1.585.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	715.668.838.939	772.495.684.769	715.668.838.939	772.495.684.769
Tổng cộng	1.128.426.279.015	1.383.627.254.989	1.128.426.279.015	1.383.627.254.989
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	26.000.000.000	265.646.791.381	26.000.000.000	265.646.791.381
Phải trả người bán	1.773.500.637	56.287.355	1.773.500.637	56.287.355
Chi phí phải trả	3.165.703.222	4.836.457.566	3.165.703.222	4.836.457.566
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	220.120.024.450	260.960.586.028	220.120.024.450	260.960.586.028
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phải	2.173.978.864	20.623.773	2.173.978.864	20.623.773
Tổng cộng	253.233.207.173	531.520.746.103	253.233.207.173	531.520.746.103

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:

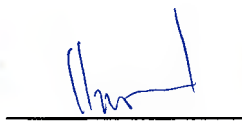
Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
 Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
 Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng
 Giám đốc Tài chính
 Kế toán



Kim Thiên Quang
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

